

Trường: THCS T.T Thất Khê

Tổ: KHXH

Ngày soạn: 26/9/2022

Ngày giảng: 03/10/2022 (7A)

04/10/2022 (7B)

Tiết: 1, 2, 3

CHỦ ĐỀ 1. TỤC NGŨ, CA DAO LẠNG SƠN

I. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ, ca dao: số lượng câu, chữ, vần,... qua một số câu tục ngữ, bài ca dao tiêu biểu của Lạng Sơn.

2. Định hướng phát triển năng lực

- *Năng lực chung*: Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- *Năng lực đặc thù*:

+ Năng lực ngôn ngữ: đọc hiểu được nội dung tường minh và nội dung hàm ẩn của các câu tục ngữ, bài ca dao; viết được đoạn văn nghị luận và trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống được gợi ra qua các câu tục ngữ, bài ca dao đã học lí lẽ rõ ràng, bằng chứng đa dạng, thuyết phục; nghe hiểu với thái độ phù hợp.

+ Năng lực văn học: biết cách đọc tục ngữ, ca dao; nhận biết và phân tích được tác dụng của những yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật gắn với thể loại tục ngữ, ca dao; nhận biết được giá trị biểu cảm, giá trị nhận thức, giá trị thẩm mỹ của tục ngữ, ca dao.

3. Phẩm chất: Biết yêu quý, trân trọng và có ý thức giữ gìn tục ngữ, ca dao Lạng Sơn.

II. CHUẨN BỊ

1. Kiến thức giáo viên cần nắm

- Đặc điểm thể loại tục ngữ, ca dao.
- Đặc điểm tục ngữ, ca dao Lạng Sơn.

2. Thiết bị, vật liệu

- Máy vi tính, máy chiếu, ti vi.
- Phiếu học tập.
- Tranh ảnh, video minh minh họa.

3. Học liệu

- Sách *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Lạng Sơn, lớp 7*;

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1.1. Mục đích

- Khởi gợi học sinh nhớ lại những kiến thức đã biết.
- Tạo hứng thú, nảy sinh nhu cầu được trải nghiệm của học sinh đối với bài mới.

1.2. Phương pháp tiến hành

Học sinh đọc, trả lời câu hỏi trong tài liệu.

1.3. Kết quả cần đạt

- Hoạt động khởi động nhẹ nhàng, hấp dẫn, giúp học sinh vận dụng được vốn sống, vốn hiểu biết của bản thân, sẵn sàng tiếp nhận tri thức mới trong bài học.

- Giúp học sinh định hướng được chủ đề bài học.

1.4. Lưu ý

- Hình thức khởi động nêu trong tài liệu chỉ là một gợi ý, giáo viên không bắt buộc phải tuân thủ.

- Một số hình thức khởi động khác:

+ Xem video về tục ngữ, ca dao Việt Nam.

Link video tham khảo: <https://youtu.be/T2sWfc0imJ4>

+ Khởi động bằng bài tập điền khuyết, hoàn thiện nội dung một số câu tục ngữ, bài ca dao Lạng Sơn.

- Sau phần Khởi động, giáo viên cần có dẫn dắt và bài mới.

HOẠT ĐỘNG 2 - HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Chuẩn bị đọc tục ngữ, ca dao

2.1.1. Mục đích

- Gợi nhắc HS nhớ lại những kiến thức về thể loại tục ngữ, ca dao.

- Trang bị cho học sinh những kiến thức về ca dao Lạng Sơn.

- Chuẩn bị tâm thế để học sinh đọc hiểu văn bản trên nền tảng hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc của chính các em.

2.1.2. Phương pháp tiến hành

- GV yêu cầu HS đọc *Tài liệu địa phương tỉnh Lạng Sơn, lớp 7*, mục *Em có biết* và mục *Chuẩn bị* trước khi đọc văn bản, kết hợp với việc nhớ lại các kiến thức đã học, làm việc theo cặp đôi để trả lời câu hỏi:

+ *Tục ngữ là gì? Nêu những đặc điểm cơ bản của tục ngữ.*

+ *Tục ngữ Lạng Sơn gồm mấy nhóm?*

+ *Ca dao là gì? Nêu những đặc điểm cơ bản của ca dao.*

+ *Căn cứ phân loại ca dao Lạng Sơn?*

- Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

- GV quan sát và trợ giúp các cặp.

- Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- HS lắng nghe giáo viên thuyết giảng các kiến thức bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

2.1.3. Kết quả cần đạt

HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

* Tục ngữ:

- Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, súc tích, có vần, có nhịp điệu, thể hiện nhận thức của người xưa về quy luật, hiện tượng thiên nhiên, kinh nghiệm sản xuất hoặc tổng kết, giáo dục về đạo đức, răn dạy về điều hay lẽ phải và đối nhân xử thế giữa người với người.

- Tục ngữ Lạng Sơn gồm các nhóm:

+ Tục ngữ đúc rút kinh nghiệm trong lao động, sản xuất;

+ Tục ngữ về cách ứng xử trong gia đình, xã hội;

+ Tục ngữ tổng kết, giáo dục về phẩm chất đạo đức.

* Ca dao:

- Ca dao là những sáng tác trữ tình dân gian, diễn tả đời sống nội tâm của con người.

- Ca dao diễn tả đời sống tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của nhân dân trong các quan hệ lứa đôi, gia đình, xã hội, đất nước,... gắn liền với nghi lễ, phong tục và đời sống sinh hoạt hằng ngày.

- Căn cứ phân loại ca dao Lạng Sơn: căn cứ vào ngôn ngữ được sử dụng.

2.1.4. Lưu ý

Ngoài phương pháp nêu trên, GV có thể vận dụng các kỹ thuật, phương pháp dạy học khác như: Bài tập điền khuyết; bài tập nối các vế, các cột để hình thành các kiến thức ngữ văn liên quan đến bài học.

Hoạt động 2.2. Đọc tục ngữ, ca dao

2.2.1. Mục đích

Giúp học sinh:

- Biết cách đọc trôi chảy, diễn cảm các câu tục ngữ, bài ca dao.
- Nhớ được các yếu tố về nội dung, hình thức của tục ngữ, ca dao Lạng Sơn trong quá trình đọc.
- Hiểu các từ được chú thích.

2.2.2. Phương pháp tiến hành

- GV hướng dẫn học sinh cách đọc văn bản.
- + Đối với tục ngữ: đọc chậm rãi, dứt khoát;
- + Đối với ca dao: đọc nhẹ nhàng, tha thiết.
- GV đọc mẫu một vài câu, mời học sinh đọc các câu còn lại.

2.2.3. Kết quả cần đạt

- Học sinh nắm được cách đọc các câu tục ngữ, bài ca dao.
- Hiểu các từ ngữ được chú thích.
- Ghi nhớ được một số câu tục ngữ, bài ca dao trong bài học.

Hoạt động 2.3. Trả lời câu hỏi sau khi đọc tục ngữ, ca dao

2.3.1. Mục đích

- Nắm được một số yếu tố của tục ngữ, ca dao: số lượng câu, chữ, vần,...
- Hiểu vấn đề đời sống được đề cập đến trong các câu tục ngữ, bài ca dao.

2.3.2. Phương pháp tiến hành

Giáo viên tổ chức các hoạt động giúp học sinh lần lượt trả lời được các câu hỏi nêu trong tài liệu.

* Các câu hỏi phân tục ngữ:

- Câu hỏi 1: *Xác định số chữ, cách gieo vần, mối quan hệ giữa các vế trong bản nguyên tác của các câu tục ngữ trên.*

+ GV tổ chức hoạt động nhóm, yêu cầu mỗi nhóm tìm hiểu số lượng chữ, cách gieo vần, mối quan hệ giữa các vế của hai đến ba câu tục ngữ.

+ HS thực hiện yêu cầu của GV, trình bày kết quả.

+ GV nhận xét kết quả làm việc của các nhóm, chốt nội dung cần đạt.

- Câu hỏi 2: *Hãy chia nhóm các câu tục ngữ trong bài dựa vào nội dung của chúng.*

+ GV nêu câu hỏi, gọi HS trả lời, các HS khác bổ sung đến khi đầy đủ.

+ GV diễn giải thêm.

Câu hỏi 3: *Chỉ ra kinh nghiệm về tự nhiên hoặc xã hội được đúc kết trong mỗi câu tục ngữ.*

+ GV nêu câu hỏi, yêu cầu học sinh hoạt động nhóm bàn theo kỹ thuật “Khăn trải bàn”.

+ HS hoạt động nhóm, thể hiện kết quả trên “Khăn trải bàn” của nhóm mình; cử nhóm trưởng trình bày kết quả trước lớp.

+ GV nhận xét, xếp loại kết quả làm việc của các nhóm, có hình thức khích lệ, động viên các nhóm.

* Các câu hỏi phân ca dao:

Câu hỏi 1: *Chỉ ra đặc điểm của thể thơ lục bát thể hiện qua bài ca dao (số chữ trong mỗi dòng, số dòng trong bài, cách gieo vần, cách ngắt nhịp).*

Câu hỏi 2. *Chỉ ra các địa danh của Lạng Sơn xuất hiện trong bài ca dao.*

Câu hỏi 3. *Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong bài ca dao.*

Câu hỏi 4. *Em có cảm nhận gì về vẻ đẹp của Lạng Sơn qua bài ca dao trên?*

Câu hỏi 5. *Nhận xét về tình cảm của tác giả dân gian đối với Lạng Sơn qua bài ca dao trên.*

- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”, yêu cầu các nhóm trả lời cùng lúc các câu hỏi trên.

- HS thực hiện trên phiếu học tập, cử đại diện thuyết trình.

- GV nhận xét, bổ sung, chốt nội dung cần đạt.

2.3.3. Kết quả cần đạt

* Phần tục ngữ học sinh nắm vững các nội dung sau:

- Số chữ trong mỗi câu tục ngữ: ít, thường từ 4 đến dưới 14 chữ.

- Cách gieo vần trong tục ngữ: vần liền, vần cách, vần kết hợp.

- Mọi quan hệ giữa các vế trong các câu tục ngữ: quan hệ nhân quả, quan hệ so sánh, quan hệ song hành.

- Phân nhóm các câu tục ngữ trong bài học:

+ Nhóm các câu tục ngữ đúc rút kinh nghiệm trong lao động, sản xuất: câu 1,2.

+ Nhóm các câu tục ngữ về cách ứng xử trong gia đình, xã hội: 6,7,8,9,10

+ Nhóm các câu tục ngữ tổng kết, giáo dục về phẩm chất đạo đức: câu 3,4,5.

- Kinh nghiệm tự nhiên, xã hội đúc kết trong các câu tục ngữ:

Câu 1. Bươn Slam lồng chả

Bươn Hà dăm nà.

(Tháng Ba gieo mạ

Tháng Năm cấy lúa.)

-> Thời gian gieo cấy phù hợp.

Câu 2. Phả fạ tấm phân luông

Phả fạ slung phân nọi.

(Mây trời sà thấp mưa to

Mây trời bay cao mưa ít.)

-> Kinh nghiệm dự đoán thời tiết.

Câu 3. Nâu chay mạy

Pài đẩy khăm.

(Sáng trông cây

Chiều có bóng mát.)

-> Chăm chỉ sẽ được hưởng thành quả xứng đáng.

Câu 4. Nẳng kin

Thin phja lác.

(Ngồi ăn, núi đá lở.)

-> Hậu quả của sự lười biếng.

Câu 5. Kin đay mí lao pình

Nẳng chính mí lao nghiếng.

(Ăn sạch chẳng sợ bệnh

Ngồi ngay không sợ ngã.)

-> Bài học đạo đức: sống trong sạch, ngay thẳng.

Câu 6. Lạc mạy tần

Lạc cần slì.

(Rễ cây ngắn

Rễ người dài.)

-> Tình cảm họ hàng, ruột thịt sâu nặng.

Câu 7. Ún bố quá cong fây

Đây bố quá pò mè.

(Ấm không hơn bếp lửa

Tốt không hơn bố mẹ.)

-> Tấm lòng của cha mẹ.

Câu 8. Slai đũa cắt tòn.

(Dây rôn chia đôi.)

-> Tình cảm ruột thịt.

Câu 9. Slíp pì noọng dú quây

Bầu tày lạo thua đây tông tó.

(Mười anh em ở xa

Không bằng người cạnh cầu thang.)

-> Tình làng nghĩa xóm.

Câu 10. Mí chẳng tha táng hăn

Mí nầu cãm quỳn đảy quá vắn.

(Chẳng nói ai cũng biết

Chẳng ai nắm tay được cả ngày.)

-> Cần biết giúp đỡ người khác.

* Phần ca dao học sinh nắm vững các nội dung sau:

- Đặc điểm của thể thơ lục bát thể hiện qua bài ca dao (số chữ trong mỗi dòng, số dòng trong bài, cách gieo vần, cách ngắt nhịp): cứ một câu 6 chữ đến một câu 8 chữ; số dòng chẵn; có cả vần chân và vần lưng; ngắt nhịp chẵn.

- Các địa danh của Lạng Sơn xuất hiện trong bài ca dao: Đồng Đăng, Kỳ Lừa, Tô Thị, Tam Thanh.

- Các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài ca dao: điệp ngữ, ẩn dụ, liệt kê.

- Vẻ đẹp của Lạng Sơn qua bài ca dao: thiên nhiên tươi đẹp, phố phường sầm uất.

- Tình cảm của tác giả dân gian đối với Lạng Sơn qua bài ca dao trên: yêu mến, gắn bó, ca ngợi, tự hào.

* HS hứng thú tìm hiểu thêm các câu tục ngữ, bài ca dao khác của Lạng Sơn.

HOẠT ĐỘNG 3 – LUYỆN TẬP/THỰC HÀNH

3.1. Mục đích

Rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn nghị luận, kỹ năng trình bày ý kiến, kỹ năng lắng nghe và phản hồi.

3.2. Phương pháp tiến hành

- Viết đoạn: HS thực hiện trước ở nhà; GV chụp ảnh/ phô tô đoạn văn của một số học sinh có năng lực ngôn ngữ khác nhau; GV chiếu/ phát cho HS đọc bài của bạn; HS đọc, nhận xét ưu điểm, hạn chế trong bài làm của bạn, nêu cách khắc phục hạn chế; GV nhận xét, chốt yêu cầu cần đạt.

- Thuyết trình, lắng nghe, nhận xét lẫn nhau về cách thức, nội dung thuyết trình: GV tổ chức cuộc thi hùng biện “Túi khôn dân gian”, lập Ban giám khảo để nhận xét, đánh giá, chấm điểm cho thí sinh; GV nhận xét ưu điểm, hạn chế của hoạt động.

3.3. Kết quả cần đạt

- Học sinh viết được đoạn văn nghị luận đúng hình thức, nội dung thể hiện được suy nghĩ, ý kiến riêng của cá nhân về các bài học nhân sinh được gửi gắm trong các câu tục ngữ; về thái độ, tình cảm của người xưa gửi gắm trong bài ca dao.

- Học sinh trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống được gợi ra qua các câu tục ngữ, bài ca dao đã học

- Học sinh biết lắng nghe, phản hồi thân thiện, tích cực.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

4.1. Mục đích

Giúp HS tự học ngoài giờ lên lớp, tăng cường kỹ năng đọc, viết, nói, nghe; mở rộng vốn hiểu biết về tục ngữ, ca dao địa phương; góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tinh thần của quê hương.

4.2. Phương pháp tiến hành

Giáo viên khuyến khích học sinh học nhóm. Mỗi thành viên trong nhóm thực hiện một nhiệm vụ, sau đó trao đổi, bổ sung, thống nhất.

4.3. Kết quả cần đạt

Học sinh biết thêm một số câu tục ngữ, bài ca dao của Lạng Sơn ngoài các nội dung đã học, có kỹ năng tự đọc hiểu các câu tục ngữ, bài ca dao đó.

4.4. Lưu ý

- Có thể thay thế các yêu cầu trong tài liệu bằng các yêu cầu khác, miễn sao đáp ứng được mục đích của hoạt động này.

- Không nên yêu cầu một HS thực hiện cùng lúc nhiều bài tập, gây áp lực cho HS.

IV. GỢI Ý KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ

1. Hình thức:

Kiểm tra thường xuyên bằng hình thức vấn đáp.

2. Nội dung:

Học sinh trình bày hiểu biết về bài học hoặc về các câu tục ngữ, bài ca dao các em sưu tầm được.

3. Tiêu chí (Đạt/Chưa đạt):

3.1. Đối với yêu cầu trình bày hiểu biết về bài học:

Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Em có nêu được khái niệm tục ngữ/ ca dao và việc phân loại tục ngữ/ ca dao của Lạng Sơn không?		
Em có thuộc các câu tục ngữ/ bài ca dao không?		
Em có nêu được các đặc điểm hình thức nghệ thuật của tục ngữ/ ca dao Lạng Sơn không?		
Em có hiểu vấn đề đời sống được gửi gắm trong các câu tục ngữ/ bài ca dao không?		
Em có trình bày được rõ ràng, tự tin, thuyết phục, những suy nghĩ của bản thân về vấn đề đời sống được gửi gắm trong các câu tục ngữ/ bài ca dao không?		

3.2. Đối với yêu cầu hiểu biết về truyền thuyết tự sưu tầm:

Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Em có sưu tầm, ghi chép lại một số câu tục ngữ/ bài ca dao khác của Lạng Sơn không?		
Em có đọc thuộc được một số câu tục ngữ/ bài ca dao khác của Lạng Sơn không?		
Em có chỉ ra được các yếu tố hình thức của các câu tục ngữ/ bài ca dao em vừa đọc không?		

Em có hiểu vấn đề đời sống gửi gắm trong trong các câu tục ngữ/ bài ca dao em vừa đọc không?		
Em có trình bày được rõ ràng, tự tin, thuyết phục, những hiểu biết của bản thân về các nội dung được hỏi không?		

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 2. HÁT THEN - ĐÀN TÍNH Ở TỈNH LẠNG SƠN

I. PHÂN TÍCH YÊU CẦU CẦN ĐẠT/MỤC TIÊU

- HS trình bày được một số đặc điểm và giá trị của Di sản Thực hành Then.
 - HS xác định được vai trò, ý nghĩa của hát Then – đàn tính trong đời sống hiện nay ở địa phương em.
 - HS sưu tầm và liệt kê được một số chủ đề của lời hát Then mới ở địa phương em hiện nay.
 - HS làm được một sản phẩm tuyên truyền về hát Then – đàn tính (bài viết, hình ảnh, video clip, poster,...).
- + Kiến thức: đặc điểm và giá trị của Di sản Thực hành Then; vai trò, ý nghĩa của hát Then - đàn tính trong đời sống hiện nay
- + Năng lực: giải quyết vấn đề và sáng tạo; tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác;
 - Đọc: nhận biết được loại văn bản; hiểu nội dung của văn bản
 - Viết: tạo lập được văn bản thể hiện khả năng biểu đạt cảm xúc và ý tưởng của bản thân
 - Nói, nghe: Hiểu được yêu cầu của GV và bài học để thực hiện; thuyết trình được sản phẩm do bản thân tạo ra; Nghe hiểu được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói, biết thảo luận, nhận xét và đưa ra thái độ, quan điểm cá nhân về nội dung và hình thức thuyết trình; Biết tôn trọng người đối thoại.
 - + Phẩm chất: Biết trân trọng, hình thành và phát triển niềm yêu quý, giữ gìn văn hoá truyền thống của dân tộc; Khám phá ra giá trị của bản thân; Có ý thức phát huy sở trường, nuôi dưỡng đam mê đối với văn chương; biết học hỏi, chia sẻ và tôn trọng sự khác biệt.

II. CHUẨN BỊ

1. Tri thức cho GV

- Then và nghi lễ Then
- Then trong đời sống hiện nay
- Di sản văn hoá phi vật thể

2. Phương tiện dạy học

- Tài liệu GDDP
- Phiếu học tập
- Máy chiếu, loa, tranh/ảnh,...

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động 1. Khởi động

1.1. GV linh hoạt, lựa chọn hình thức phù hợp

- Xem video/clip
- Thảo luận để trả lời câu hỏi: *Em đã từng tham dự Nghi lễ Then hoặc chương trình biểu diễn hát Then – đàn tính chưa? Cảm xúc của em sau khi tham dự hoạt động đó như thế nào? Chia sẻ với các bạn trong nhóm những hiểu biết của em về hát Then – đàn tính ở địa phương em hiện nay.*

- Khi tranh luận về di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc Lạng Sơn, nhiều bạn học sinh lớp 7 đưa ra các ý kiến khác nhau. Theo em, những ý kiến nào sau đây là đúng hoặc không đúng?

Ý kiến	Đúng	Không đúng
1. Danh lam thắng cảnh do con người làm ra.		
2. Danh lam thắng cảnh là sông núi, biển, rừng cây, ao hồ.		
3. Di sản văn hóa phi vật thể là những bài hát, điệu múa, làn điệu dân ca... ví dụ: <i>Múa Sư tử của người Tày, Nùng; Thực hành Then của người Tày, Nùng; Hát Sli của người Nùng...</i>		
4. Di sản văn hóa phi vật thể là những phong tục tập quán, lễ hội... ví dụ: <i>Lễ hội Búng Khảm, Lễ hội Phài lừ, Lễ hội Trò Ngô, Lễ hội đèn Kỳ Cùng - Tả phủ,...</i>		
5. Di sản văn hóa của dân tộc là những gì cha ông ta để lại.		

1.2. Thực hiện hoạt động này, HS không chỉ nắm được nội dung học tập mà còn có được niềm hứng thú khám phá, trải nghiệm những gì rất gần gũi, thân thuộc với các em khi đọc hiểu VB.

1.3. GV cần tạo không khí cởi mở, vui vẻ giúp HS có cảm hứng chia sẻ và biết lắng nghe những trải nghiệm để tạo tâm thế cho việc đọc hiểu VB.

2. Hoạt động 2. Khám phá

2.1. Đọc văn bản

- HS cần được khuyến khích đọc VB, tóm tắt nội dung trước khi đến lớp. Trên lớp, GV cho HS đọc thầm.

- Nên sử dụng chiến thuật “Tổng quan về văn bản” và “Đánh dấu và ghi chú bên lề”

Vòng 1. Đọc ở nhà

Tổng quan về văn bản	Đánh dấu và ghi chú bên lề
- Kỹ năng quan sát khái quát, tổng thể để phỏng đoán, đánh giá sơ bộ về VB - Lựa chọn thông tin quan trọng, cần thiết, liên quan đến VB	Nắm bắt các từ khóa, các chi tiết quan trọng, luận điểm... Trong VB, từ đó rút ra được những thông tin cốt lõi của VB
- Tiết kiệm thời gian - Rèn luyện và phát triển năng lực đọc hiểu VB	

MẪU PHIẾU HỌC TẬP 1
(Chiến thuật Tổng quan về VB)

Mô tả (hướng dẫn quan sát)	Những điều em biết sơ bộ về văn bản	Những suy nghĩ, phỏng đoán ban đầu của em
1. Nhan đề(đọc nhan đề)		
2. Thể loại		
3. Box em cần biết		
4. Tranh/ảnh		
→ <i>Dự đoán (đánh giá) khái quát của em về văn bản:</i>		

MẪU PHIẾU HỌC TẬP 2
(Chiến thuật Đánh dấu và ghi chú bên lề)

Nội dung đánh dấu	Nội dung ghi chú
Thực hành Then	
- Có ở đâu?	
- Vai trò?	
- Quan niệm/khái niệm/định nghĩa?	
- Gồm có?	
- Nội dung cơ bản?	
→ <i>Nhận xét ban đầu của em:</i>	
Hát then - đàn tính hiện nay	
- Nhận diện?	
- Thực trạng?	
- Nội dung cơ bản?	
- Nhạc cụ?	
→ <i>Nhận xét ban đầu của em:</i>	

2.2. Khám phá văn bản

Tiếp nối sử dụng chiến thuật ở **Vòng 2. Đọc trên lớp**

Khi đọc VB ở trên lớp, GV hướng dẫn HS: theo dõi, dự đoán, hình dung, đối chiếu. GV hướng dẫn HS tận dụng hệ thống câu hỏi trong khi đọc để nắm được các chi tiết, nội dung chính và hình thành cảm nhận chung cho HS. Các câu hỏi chỉ dẫn, gợi mở sẽ giúp HS thực hiện tốt hoạt động đọc và chuẩn bị “nguyên liệu” cho hoạt động khám phá VB.

a) Thực hành Then

- Thực hành Then được hiểu như thế nào?

- Nó có ở những địa phương nào?

- Vai trò của Thực hành Then được thể hiện như thế nào?

- Trong Thực hành Then gồm những thành tố cơ bản nào? Yếu tố nào giữ vị trí đặc biệt quan trọng nhất? Vì sao?

- Nội dung của Then được biểu đạt như thế nào?

- Nói Thực hành Then để chỉ bộ phận Then gì?

b) Hát then - đàn tính hiện nay

- Then mới/Then văn nghệ khác Then cổ/Then tâm linh như thế nào?

- Câu lạc bộ Hát then - đàn tính phát triển ra sao? Kể tên một số câu lạc bộ hát Then – đàn tính ở địa phương em.

- Lời Hát then mới có gì đặc biệt? gồm những chủ đề phổ biến nào?

- Việc bảo tồn và phát huy giá trị của Then gắn liền với nhạc cụ nào? Vì sao? Chia sẻ về nhạc cụ đó. Kể tên một số nghệ nhân hoặc người chế tác đàn tính mà em biết.

3. Hoạt động 3. Luyện tập

GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập theo yêu cầu (theo nhóm)

-Nêu những đặc điểm và giá trị của di sản Thực hành Then.

-Trình bày vai trò, ý nghĩa của hát Then – đàn tính trong đời sống.

-Em sẽ làm gì để góp phần gìn giữ, bảo tồn và phát huy di sản Thực hành Then ở Lạng Sơn?

4. Hoạt động 4. Vận dụng

GV hướng dẫn HS lựa chọn hình thức phù hợp thực hiện sản phẩm thể hiện rõ việc kết nối với hoạt động “đọc”

-Sưu tầm và giới thiệu về một số chủ đề của lời hát Then mới ở Lạng Sơn hiện nay.

-Em và các bạn hãy làm một sản phẩm truyền thông về hát Then – đàn tính (bài viết, hình ảnh, video clip, poster,...).

-Lựa chọn một tác phẩm/đoạn trích hát Then – đàn tính, cùng các bạn luyện tập và biểu diễn cho người thân hoặc thầy cô giáo và các bạn thưởng thức.

CHỦ ĐỀ 3. LẠNG SƠN TRONG CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC VÀ BẢO VỆ BIÊN GIỚI TỔ QUỐC (TỪ THẾ KỈ X ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX)

Báo cáo viên: Ngô Thị Hà

*Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS&THPT
Huyện Đình Lập*

Chủ đề thuộc lĩnh vực văn hóa-lịch sử, dự kiến thời lượng dạy trong 03 tiết. Chủ đề đề cập đến Lạng Sơn trong các cuộc kháng chiến xâm lược và bảo vệ biên giới Tổ quốc giai đoạn lịch sử từ thế kỉ X đến giữa thế kỷ XIX. Đề dạy, hướng dẫn học sinh tìm hiểu chủ đề này, giáo viên tham khảo một số định hướng về phương pháp dạy học dưới đây:

1. Xác định mục tiêu

- Kiến thức

+ Trình bày sơ lược sự thay đổi địa giới, tên gọi vùng đất Lạng Sơn từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX.

+ Trình bày được đóng góp của nhân dân Lạng Sơn trong một số cuộc kháng chiến chống xâm lược tiêu biểu của dân tộc cũng như cuộc đấu tranh bảo vệ biên cương Tổ quốc.

- Năng lực

+ Tìm hiểu lịch sử: Thông qua các tư liệu, hình ảnh lịch sử để tìm hiểu về các cuộc kháng chiến chống xâm lược và bảo vệ biên giới Tổ quốc ở Lạng Sơn từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX.

+ Nhận thức lịch sử: Bình bày được những chiến thắng chống ngoại xâm của nhân dân các dân tộc.

+ Vận dụng kiến thức đã học liên hệ trách nhiệm của bản thân đối góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương.

- Phẩm chất:

+ Yêu quê hương xứ Lạng.

+ Trách nhiệm của bản thân đối với quê hương.

2. Thiết bị và tài liệu dạy học

- Máy tính, ti vi, Phiếu học tập

- Tư liệu: Hình ảnh và tài liệu liên quan đến Thân Cảnh Phúc; Nguyễn Thế Lộc; Đại Huệ; Phiên thân Nguyễn Đình Vượng; Tư liệu văn học, hình ảnh về ai Chi Lăng; Núi Mất quý; <https://www.youtube.com/watch?v=PskTEJjMTAY>

3. Xây dựng tiến trình dạy học

Cấu trúc chủ đề gồm các phần: Khởi động/Mở đầu; Khám phá/Tìm hiểu bài đọc/Hình thành kiến thức mới; Luyện tập/Thực hành; Vận dụng.

2.1. Khởi động/Mở đầu

- Phần này nhằm gợi mở những vấn đề liên quan đến nội dung bài học; giúp tạo sự kết nối giữa học sinh với kiến thức liên quan đến bài học, tạo sự hứng thú, tâm thế cho học sinh.

- Cách tiến hành:

+ Cách 1: Giáo viên sử dụng *phương pháp nêu vấn đề* (như gợi ý trong chủ đề) Em có biết vùng đất Lạng Sơn gắn liền với những chiến công lẫy lừng nào trong đấu tranh chống quân xâm lược của triều đại phong kiến phương Bắc? Nhân dân các dân tộc ở Lạng Sơn đã đoàn kết với nhân dân cả nước, bảo vệ vùng đất biên cương của Tổ quốc như thế nào? học sinh chia sẻ những hiểu biết của bản thân về nội dung đó.

Cách khởi động này có ý nghĩa khơi gợi, tạo hứng thú cho học sinh tiếp cận nội dung bài học.

+ Cách 2: Khởi động *bằng trực quan* học sinh quan sát hình ảnh nhân vật, sự kiện về các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX, chia sẻ trải nghiệm của bản thân về sự kiện, nhân vật đó (em đã được biết về sự kiện/nhân vật này chưa, hiểu biết gì về sự kiện/ nhân vật đó).

+ Cách 3: GV kết hợp *hình ảnh liên quan đến bài lòng bài hát*: mời anh về xứ Lạng; Anh có về xứ Lạng....đặt câu hỏi Bài hát và hình ảnh nhắc đến những địa danh nào, nhân vật nào? Em biết gì về địa danh, nhân vật đó?

Cách khởi động này trực quan, giúp học sinh có cơ hội thể hiện hiểu biết, trải nghiệm cá nhân về nội dung bài học.

3.2. Khám phá/Tìm hiểu bài đọc/Hình thành kiến thức mới:

Phần này giúp học sinh phát hiện, hình thành kiến thức mới, kĩ năng mới, thông qua đó cung cấp tri thức căn bản về nội dung giáo dục địa phương.

Nội dung chủ đề gồm 3 đơn vị kiến thức cơ bản:

1. Địa giới, tên gọi Lạng Sơn từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX

Trọng tâm của mục này là học sinh trả lời được câu hỏi: Vùng đất Lạng Sơn từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX đã trải qua những tên gọi nào?

Phương án 1: Giáo viên viết tên các triều đại. Học sinh hoàn chỉnh tên gọi.

Phương án 2: GV đưa ra các triều đại và tên gọi, để học sinh sắp xếp.

→ Cả hai cách trên giáo viên đều có thể tổ chức nhóm/ cá nhân/ bàn...

2. Nhân dân Lạng Sơn trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược và bảo vệ biên giới Tô quốc (từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX)

a) Từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI

* Mục này giáo viên tổ chức cho học sinh làm rõ đóng góp của nhân dân Lạng Sơn trong các cuộc chiến đấu chống ngoại xâm của dân tộc từ thế kỷ X đến thế kỷ XV gồm:

- Chông Tống thời nhà Lý, tiêu biểu là Thân Cảnh phúc.

- Chông Mông – Nguyên thời nhà Trần tiêu biểu là Nguyễn Thế Lộ.

- Chông Quân Minh tiêu biểu là Đại Huệ.

Thắng lợi nào cũng gắn với tư liệu LS hoặc phần mở rộng “em có biết” trong SGK để học sinh hiểu được công lao đóng góp của quân dân và cá nhân lịch sử.

Để làm rõ được 3 nội dung này, giáo viên tổ chức bằng nhiều cách:

- Cách 1: Giáo viên chia lớp thành 3 nhóm; thực hiện cùng một lúc 3 chiến thắng lớn theo hướng: Khai thác tư liệu và nội dung mục 1, em hãy kể lại chiến công của quân dân Lạng Sơn trong cuộc kháng chiến chống quân Tống, Mông – Nguyên; Quân Minh?

- Cách 2: Giáo viên khai thác từng chiến thắng: Mỗi chiến thắng giáo viên đặt câu hỏi để học sinh khai thác tư liệu, gạch chân những từ ngữ để làm rõ chiến thắng của quân dân ta.

* Ngoài ra giáo viên cần tạo biểu tượng về địa danh Ải Chi Lăng và Núi Mặt Quỷ (Quỷ môn) thông qua phần kết nối với văn học và các tư liệu Lịch sử khác.

Lưu ý, giáo viên tìm hiểu mục tư liệu tham khảo phần cuối chủ đề để hướng dẫn học sinh khai thác kỹ hơn về chiến thắng Chi Lăng trong khởi nghĩa Lam Sơn.

- Về phương pháp khai thác: GV có thể Sử dụng PP kể chuyện, tường thuật, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp phản biện Lịch sử..

- Ví dụ về phương pháp phản biện LS. Giáo viên chia lớp làm 2 nhóm

Nhóm 1: Có ý kiến cho rằng, quân dân giặc bại trận là do ta có địa thế vùng

núi Chi Lăng hiểm trở.

Nhóm 2: Có ý kiến cho rằng dựa vào địa hình hiểm trở, quân dân các dân tộc Lạng Sơn đã đoàn kết cùng triều đình đánh thắng quân xâm lược.

Các nhóm sẽ đưa ra lý lẽ để bảo vệ ý kiến của mình.

Sau đó giáo viên chốt vấn đề.

→ Qua tìm hiểu những cuộc đấu tranh đó, em có cảm nghĩ gì? (Tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của nhân dân Lạng Sơn, biết ơn những hi sinh của các anh hùng, quyết tâm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc,...).

b) Lạng Sơn từ thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX

- Lạng Sơn giai đoạn này gắn liền với những biến cố lớn của Lịch sử dân tộc:

+ Thế kỉ XV- XVIII: Chiến tranh Nam- Bắc triều; Trịnh - Nguyễn phân tranh.

+ Thế kỉ XVIII: chống quân Thanh

+ Tình hình chính trị đầu thế kỉ XIX.

Trong các nội dung này, giáo viên khai thác kỹ đóng góp của quân dân Lạng Sơn trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh gắn liền với chiến công của các đội quân vùng Văn Uyên, Thoát Lãng do phiến thần Nguyễn Đình Vượng chỉ huy...

- Phương pháp, tổ chức dạy học

+ Cách 1: Giáo viên khai thác theo tiến trình thời gian trong SGK.

+ Cách 2: GV giới thiệu khái quát về Lạng Sơn từ thế kỉ XVI đến XIX, sau đó dừng lại để khai thác kỹ về Lạng Sơn trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh. Tìm những minh chứng để chứng minh rằng quân dân Lạng Sơn lập nhiều chiến công góp phần cùng cả nước chống quân Thanh xâm lược.

2.3. Luyện tập/Thực hành: Phần này gồm các bài tập nhằm củng cố, rèn luyện kỹ năng theo nội dung, yêu cầu cần đạt của chủ đề.

Bài tập 1: Giáo viên hướng dẫn học sinh dựa vào nội dung bài học lập bảng hệ thống về các cuộc đấu tranh chống phong kiến phương Bắc của quân và dân Lạng Sơn từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX theo gợi ý. Học sinh dựa vào bài học hoàn toàn làm được bài tập 1.

ST T	Tên cuộc kháng chiến/khởi nghĩa	Thời gian	Nhân vật, sự kiện liên quan
1			
2			

Bài tập 2: Em hãy kể về một chiến thắng có sự đóng góp của quân và dân Lạng Sơn gắn liền với di tích lịch sử Chi Lăng. Em cần làm gì để đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương?

- Giáo viên có thể tổ chức theo nhóm học tập để thực hiện bài tập này. Học sinh có thể lựa chọn một chiến thắng trong số các chiến thắng gần 10 thế kỉ qua. Tuy nhiên gắn liền với di tích lịch sử Chi Lăng thì chiến thắng Chi Lăng là rõ nét nhất.

- Liên hệ trách nhiệm bản thân bằng những việc làm cụ thể góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương? (*Học tập tốt, rèn luyện tốt; có tri thức lịch sử quê hương, giới thiệu, quảng bá; trở thành công dân có ích, xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa trên mảnh đất Lạng Sơn....*)

2.4. Vận dụng: Phần này gồm các bài tập giúp học sinh vận dụng những tri thức, kỹ năng đã được hình thành, rèn luyện vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống về các vấn đề cụ thể của bản thân hoặc địa phương.

Giáo viên có thể tổ chức một buổi đọc thư... (khoảng 20 câu) kể về một chiến

công của quân dân Lạng Sơn trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX. Sau đó nhận xét chéo và biểu dương những lá thư chất lượng.

- Yêu cầu với bức thư:

+ Nêu đúng chiến công của quân dân Lạng Sơn trong giai đoạn từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX.

+ Bài viết thể hiện niềm tự hào, biết ơn, ý thức trách nhiệm của bản thân..

+ Bức thư hấp dẫn, cuốn hút người bạn phương xa, gợi sự tò mò khám phá và mong muốn được đặt chân đến mảnh đất Lạng Sơn để tiếp tục tìm hiểu...

3. Gợi ý về kiểm tra đánh giá các chủ đề

Với chủ đề 5, giáo viên có thể có một số hình thức kiểm tra đánh giá như sau:

- Khi học sinh hoặc nhóm học sinh trả lời được các nội dung khó trong quá trình tìm hiểu bài, giáo viên có thể đánh giá đạt ngay trong giờ học.

- Với các học sinh/nhóm học sinh tham gia thực hiện bài tập/ làm sản phẩm giáo viên có thể đánh giá đạt khi học sinh làm được các sản phẩm với những tiêu chí cụ thể của thang rubic, bảng kiểm cụ thể đã được công bố từ trước.

CHỦ ĐỀ 4. DI TÍCH LỊCH SỬ – VĂN HOÁ, DANH LAM THẮNG CẢNH TIÊU BIỂU CỦA LẠNG SƠN

*Báo cáo viên: Mông Thị Vân Anh–
Giảng viên trường CĐSP Lạng Sơn*

Chủ đề 4: Di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu của tỉnh Lạng Sơn trong Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Lạng Sơn lớp 7. Chủ đề gồm 6 tiết, trong đó giới thiệu về các Di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu của tỉnh Lạng Sơn, trải nghiệm tìm hiểu tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu ở địa phương. Để hướng dẫn học sinh về chủ đề này, giáo viên có thể tham khảo một số vấn đề cốt lõi sau đây:

I. Hướng dẫn thực hiện từng phần trong chủ đề

1. Xác định mục tiêu

Đối với nội dung về các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu của tỉnh Lạng Sơn học sinh cũng đã được tìm hiểu ở chương trình giáo dục địa phương cấp tiểu học, tuy nhiên ở mức độ đơn giản, vì vậy giáo viên cần bám sát yêu cầu cần đạt của chủ đề hướng dẫn học sinh khai thác nội dung bài học hiệu quả.

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Kể tên được một số di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh tiêu biểu của tỉnh Lạng Sơn.
- Giới thiệu được ít nhất một di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh của Lạng Sơn hoặc địa phương.
- Nêu được ý nghĩa, giá trị của các di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh nói chung và đối với sự phát triển du lịch nói riêng ở tỉnh Lạng Sơn.
- Xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị của di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh của quê hương xứ Lạng.
- Chia sẻ cảm nhận của bản thân sau khi trải nghiệm một di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh của tỉnh hoặc của địa phương nơi sinh sống.

2. Xây dựng tiến trình dạy học

Chủ đề này được xây dựng các hoạt động lần lượt cho từng phần: Khởi động/Mở đầu; Khám phá/Tìm hiểu bài đọc/Hình thành kiến thức mới; Luyện tập/Thực hành; Vận dụng.

2.1. Khởi động/Mở đầu:

Phần này nhằm gợi mở những vấn đề liên quan đến nội dung chủ đề bài học; giúp tạo ra sự kết nối giữa người học và vấn đề học tập, tạo hứng thú, nảy sinh nhu cầu được trải nghiệm của học sinh đối với bài mới. Để thực hiện hoạt động khởi động, phần này đưa ra nhiều hình thức khác nhau như: trò chơi; câu hỏi động não; quan sát tranh ảnh, video,...

- Cách tiến hành: Để thực hiện hoạt động khởi động, giáo viên có thể đưa ra nhiều hình thức khác nhau như:

+ Cách 1: Tổ chức cho học sinh quan sát một số hình ảnh về di tích lịch sử - văn hóa và đặt câu hỏi trong số các di tích học sinh đã biết gì về di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đó, hãy giới thiệu một di tích mà học sinh biết.

+ Cách 2: (thể hiện trong chủ đề): Đặt câu hỏi, học sinh chia sẻ hiểu biết của bản thân về di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của Lạng Sơn

* Lưu ý: Trên đây chỉ là gợi ý về cách thức tiến hành phần khởi động của bài học. Tùy điều kiện cụ thể về cơ sở vật chất, đối tượng học sinh, giáo viên có thể thiết kế

hoạt động khởi động bằng nhiều hình thức khác nhau đảm bảo hoạt động khởi động nhẹ nhàng, hấp dẫn để học sinh có thể vận dụng vốn sống, hiểu biết của mình tiếp cận tri thức mới được gọi ra từ phần mở đầu của bài học.

2.2. Khám phá/Tìm hiểu bài đọc/Hình thành kiến thức mới: Phần này giúp học sinh phát hiện, hình thành kiến thức mới, kỹ năng mới, thông qua đó cung cấp tri thức căn bản về nội dung giáo dục địa phương.

Nội dung thứ nhất: Khái quát về hệ thống di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu của Lạng Sơn, thông qua nội dung kênh chữ và kênh hình giới thiệu khái quát về hệ thống di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu của Lạng Sơn

Một là, hình thành khái niệm: Di tích lịch sử, di tích văn hóa

Hai là, hướng dẫn học sinh quan sát hình 1 kết hợp với nội dung kênh chữ, yêu cầu học sinh cho biết các loại hình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu của tỉnh Lạng Sơn.

Nội dung thứ hai: Một số di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu của tỉnh Lạng Sơn. Nội dung này giới thiệu một số di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu cho 4 loại hình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu của Lạng Sơn

Mục 1: Di tích khảo cổ Thẩm Khuyên, Thẩm Hai, thông qua kênh hình và kênh chữ để khái quát về di tích Thẩm Khuyên, Thẩm Hai

Hướng dẫn học sinh khai thác kênh chữ để biết được di tích khảo cổ Hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai, một số giá trị của di tích.

Ở mục này giáo viên có thể sử dụng phương pháp đàm thoại hoặc gợi ý cho học sinh đóng vai hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu về di tích.

Mục 2 và mục 3: Khu di tích lịch sử Chi Lăng; Khu di tích lịch sử Bắc Sơn, đây là hai khu du lịch được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt, có thể linh hoạt sử dụng các phương pháp dạy học để khai thác nội dung kiến thức của chủ đề.

Mục 4: Danh lam thắng cảnh tiêu biểu ở Lạng Sơn (Khu di tích danh thắng Nhị - Tam Thanh – núi Tô Thị - thành Nhà Mạc). Từ thông tin kênh hình và kênh chữ, giáo viên có thể tổ chức các hoạt động học tập khai thác kiến thức, từ đó học sinh miêu tả được cảnh đẹp và nêu được ý nghĩa, giá trị của di tích, danh thắng Nhị – Tam Thanh đối với sự phát triển du lịch ở địa phương.

2.3. Luyện tập/Thực hành: Phần này gồm các bài tập nhằm củng cố, rèn luyện kỹ năng theo nội dung, yêu cầu cần đạt của chủ đề.

Giáo viên hướng dẫn học sinh dựa vào nội dung bài học thống kê các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu, từ đó rút ra các biện pháp bảo tồn phát huy giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh ở địa phương.

Bên cạnh đó phần này thiết kế hoạt động trải nghiệm để củng cố, rèn luyện kỹ năng, học sinh tìm hiểu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu ở địa phương. Phần này được thiết kế để học sinh học ngoài giờ lên lớp có sự giám sát, định hướng của giáo viên. Giáo viên dựa trên yêu cầu cần đạt của bài học để hướng dẫn học sinh thực hiện các hoạt động để tăng cường hoạt động thực hành, tự học của học sinh.

- Tổ chức thực hiện:

+ Giáo viên phổ biến yêu cầu, nhiệm vụ của buổi trải nghiệm để học sinh biết được tinh thần học tập thông qua buổi trải nghiệm.

+ Các nhóm thực hành xây dựng kế hoạch trải nghiệm theo định hướng của giáo viên. Trình bày kế hoạch trước lớp

+ Sau đó xây dựng kế hoạch trải nghiệm một cách cụ thể để trình BGH, tổ bộ

môn,... nhận sự góp ý và sự đồng ý triển khai kế hoạch của BGH.

+ Tổ chức trải nghiệm theo kế hoạch:

Trong phần này giáo viên đóng vai trò quan trọng trong công tác tổ chức, định hướng kịch bản trải nghiệm để chương trình trải nghiệm đi đúng hướng, không bị lan man, không đạt được mục đích.

Để tổ chức được hoạt động này, giáo viên cần phối hợp với nhà trường xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các phương án để đưa học sinh tham quan di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của tỉnh hoặc của địa phương. Hoạt động này cũng có thể được thực hiện qua việc dạy học liên môn (kết hợp với kế hoạch tham quan, trải nghiệm dành cho học sinh lớp 7 trong kế hoạch của nhà trường).

- Lưu ý: Tùy từng địa phương giáo viên xây dựng kế hoạch trải nghiệm cho học sinh để phù hợp, thuận tiện từ địa điểm, phương tiện, nội dung.

Sau khi tham quan, tìm hiểu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh củ tỉnh hoặc của địa phương, giáo viên cho học sinh viết bài thu hoạch theo yêu cầu gợi ý của bài tập.

Ở những đơn vị trường học khó khăn, khó hoặc không thể tổ chức cho học sinh tham quan trải nghiệm tham quan, giáo viên cần tìm biện pháp tham quan gián tiếp như cho học sinh xem video, tìm tài liệu trên mạng internet, sách báo... để hoàn thành bài tập.

2.4. Vận dụng: Phần này gồm các bài tập giúp học sinh vận dụng những tri thức, kỹ năng đã được hình thành, rèn luyện vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống về các vấn đề cụ thể của bản thân hoặc địa phương.

Giáo viên có thể cho học sinh lựa chọn làm việc nhóm hoặc cá nhân với các hình thức để làm các sản phẩm khác nhau về kết quả trải nghiệm, báo cáo ngắn giới thiệu về giá trị lịch sử và đề xuất phương án bảo tồn di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh ở địa phương

Khuyến khích học sinh trình bày bài viết dưới nhiều hình thức khác nhau. Những đơn vị trường học thuận lợi về cơ sở vật chất, kinh tế xã hội có thể khuyến khích học sinh làm bài tập dưới hình thức các video, Poster Những đơn vị trường học khó khăn hơn có thể yêu cầu các em viết bài văn giới thiệu và thuyết trình trước lớp.

Lưu ý: Ngoài những định hướng, gợi ý trên, giáo viên có thể linh hoạt vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học để thực hiện việc dạy học chủ đề di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của Lạng Sơn một cách hiệu quả nhất. Phối hợp với các môn học và hoạt động giáo dục khác như công nghệ, hoạt động trải nghiệm ... để tổ chức cho học sinh thực hành, xây dựng những sản phẩm sáng tạo.

II. Gợi ý về kiểm tra đánh giá

- Đánh giá thường xuyên: thực hiện liên tục trong quá trình dạy chủ đề, thông qua việc học sinh trả lời các câu hỏi phát vấn của giáo viên, các ý kiến thảo luận của học sinh, các bài tập, thuyết trình, sản phẩm học tập do học sinh thực hiện. Hình thức đánh giá là giáo viên đánh giá học sinh, học sinh tự đánh giá nhau, học sinh tự đánh giá khi thực hiện các hoạt động học tập khám phá bài học.

Lưu ý: đánh giá thường xuyên thực hiện trong suốt quá trình dạy học chủ đề, từ khâu khởi động tới luyện tập, vận dụng. Giáo viên cần quan sát, nắm bắt về nhận thức, thái độ của học sinh trong suốt quá trình học tập.

- Đánh giá định kỳ: thực hiện giữa kỳ, cuối học kỳ. Giáo viên có thể lựa chọn nội dung khám phá bài học để xây dựng đề kiểm tra cho học sinh.

CHỦ ĐỀ 5. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN TỈNH LẠNG SƠN

*Báo cáo viên: Chu Thị Hồng Chinh
Trường THPT chuyên Chu Văn An*

I. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU

Sau bài học, học sinh cần:

1. Kiến thức:

- Trình bày được đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất và sinh vật, khoáng sản tỉnh Lạng Sơn.
- Nêu được ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất và sinh vật, khoáng sản đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Lạng Sơn.
- Giới thiệu được đặc điểm nổi bật của một số thành phần tự nhiên của địa phương.

2. Định hướng phát triển năng lực:

- *Năng lực chung:* Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- *Năng lực đặc thù:*

Năng lực nhận thức khoa học địa lí	<i>Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian</i>	Mô tả được đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, sinh vật, khoáng sản tỉnh Lạng Sơn theo quan điểm không gian.
Năng lực tìm hiểu địa lí	<i>Sử dụng các công cụ địa lí</i>	Sử dụng bản đồ tự nhiên tỉnh Lạng Sơn xác định được một số đỉnh núi, sông, hồ...
	<i>Khai thác Internet phục vụ môn học</i>	Khai thác các trang mạng trên Internet để nêu được ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, sinh vật, khoáng sản đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Lạng Sơn; đặc điểm nổi bật một số thành phần tự nhiên của địa phương.
Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	<i>Cập nhật thông tin, liên hệ thực tế</i>	Liên hệ được đặc điểm nổi bật về một số thành phần tự nhiên của địa phương.
	<i>Vận dụng tri thức vào giải quyết một số vấn đề thực tiễn địa phương</i>	

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu thiên nhiên.
- *Chăm chỉ:* Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực* trong học tập và cuộc sống.
- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy vi tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, bản đồ, tranh ảnh...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Ổn định lớp

3.2. Kiểm tra bài cũ: Không.

3.3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục đích:

- Gọi nhớ cho học sinh một số hình ảnh đặc trưng liên quan đến tự nhiên của tỉnh Lạng Sơn.

- Tạo hứng thú, nảy sinh nhu cầu được trải nghiệm của học sinh đối với bài mới.

b) Nội dung: HS quan sát các hình ảnh trên máy chiếu.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã biết và vận dụng hiểu biết của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV chiếu một số hình ảnh đặc trưng liên quan đến điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên... yêu cầu: *Hãy đặt tên cho hình 1, 2, 3, 4.*

+ GV yêu cầu HS nêu những hiểu biết của mình về đặc điểm tự nhiên đó của tỉnh Lạng Sơn.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 04 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

Lạng Sơn là một tỉnh miền núi biên giới thuộc khu vực đông bắc của Việt Nam và nằm trong khu vực có nhiều biến đổi qua các đợt vận động về địa chất, chịu ảnh hưởng thường xuyên của gió mùa. Vậy tự nhiên của tỉnh Lạng Sơn có những đặc điểm gì? Điều kiện tự nhiên đó có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống và sản xuất của tỉnh Lạng Sơn?

HOẠT ĐỘNG 2 – HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1 Tìm hiểu địa hình tỉnh Lạng Sơn

a) Mục đích:

- HS trình bày được đặc điểm địa hình tỉnh Lạng Sơn

- HS nêu được ảnh hưởng của địa hình đến sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn.

b) Nội dung: HS quan sát bản đồ Tự nhiên tỉnh Lạng Sơn, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

1. Địa hình

* Đặc điểm chung:

- Dạng địa hình phổ là đồi núi thấp với độ cao trung bình là 252 m so với mực nước biển. Địa hình mang tính chất phân bậc khá rõ rệt. Địa hình có độ cao dưới 700 m chiếm 96,3% diện tích của tỉnh.

- Cấu trúc địa hình gồm hai hướng chính là tây bắc – đông nam (thể hiện ở vùng máng trũng Thất Khê – Lộc Bình) và đông bắc – tây nam (thể hiện rõ rệt ở vùng núi đá vôi Bắc Sơn và một số núi thuộc các huyện Hữu Lũng, Chi Lăng, Văn Quan và Văn Lãng).

- Địa hình mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

* Địa hình chia thành ba khu vực:

- Vùng núi đá vôi cánh cung Bắc Sơn nằm ở phía tây nam chiếm khoảng 25% diện tích của tỉnh. Độ cao trung bình toàn vùng là 400 – 500 m, thấp dần từ phía tây bắc xuống đông nam với nhiều dãy núi hình cánh cung mở rộng về phía đông. Trong khu vực có nhiều hang động đẹp có giá trị đối với hoạt động du lịch và tham quan nghiên cứu.

- Vùng đồi núi tả ngạn sông Kỳ Cùng và dọc thung lũng sông Thương bao bọc lấy khối núi

đá vôi Bắc Sơn về phía bắc, đông và đông nam, chiếm khoảng 40% diện tích tỉnh Lạng Sơn. Địa hình phổ biến là núi thấp và đồi, thấp dần từ phía tây bắc xuống đông nam. Các huyện phía nam (Chi Lăng, Hữu Lũng) phần nhiều là đồi thấp xen với ruộng và bãi ven sông, thích hợp với trồng lúa, cây công nghiệp, cây ăn quả.

- Vùng máng trũng Thất Khê – Lộc Bình và đồi núi dọc biên giới Việt Trung nằm ở phía đông bắc, chiếm khoảng 35% diện tích toàn tỉnh, chạy dọc theo sông Kỳ Cùng với hướng dốc chung là đông nam – tây bắc. Vùng có nhiều cánh đồng tương đối rộng thuận lợi cho trồng lúa; vùng núi với cảnh quan kì vĩ, khí hậu mát mẻ, có nhiều hang động đẹp có giá trị phát triển du lịch.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS quan sát bản đồ Tự nhiên tỉnh Lạng Sơn kết hợp với đọc SGK, làm việc theo cặp đôi để trả lời câu hỏi:

(?) Dựa vào các hình và đọc thông tin trong mục 1, em hãy:

+ Cho biết các đặc điểm chung của địa hình tỉnh Lạng Sơn.

+ Xác định trên bản đồ tự nhiên tỉnh Lạng Sơn đỉnh núi cao nhất Lạng Sơn.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS làm việc theo cặp, quan sát bản đồ và nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 3 phút.

+ GV quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

*** Nhiệm vụ 2:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS quan sát bản đồ Tự nhiên tỉnh Lạng Sơn kết hợp với đọc SGK, làm việc theo cặp/nhóm để tìm hiểu đặc điểm của các khu vực địa hình:

(?) Dựa vào các hình và đọc thông tin trong mục 1, em hãy hoàn thành nhiệm vụ:

Nhóm	Khu vực	Vị trí	Đặc điểm
1 + 4	Vùng núi đá vôi cánh cung Bắc Sơn		
2 + 5	Vùng đồi núi tả ngạn sông Kỳ Cùng và dọc thung lũng sông Thương		
3 + 6	Vùng máng trũng Thất Khê – Lộc Bình và đồi núi dọc biên giới Việt Trung		

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS làm việc theo nhóm, quan sát hình ảnh và nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 10 phút theo phân công.

+ GV quan sát và trợ giúp các nhóm.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện nhóm trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

*** Nhiệm vụ 3:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS quan sát bản đồ Tự nhiên tỉnh Lạng Sơn kết hợp với đọc SGK, làm việc theo cặp đôi để trả lời câu hỏi:

(?) Dựa vào các hình và đọc thông tin trong mục 1, em hãy:

Nêu thuận lợi và khó khăn của địa hình đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Lạng Sơn.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS làm việc theo cặp, quan sát bản đồ và nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 5 phút.

+ GV quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2 Tìm hiểu khí hậu tỉnh Lạng Sơn

a) Mục đích:

- HS trình bày được đặc điểm khí hậu tỉnh Lạng Sơn

- HS nêu được ảnh hưởng của khí hậu đến sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn.

b) Nội dung: HS quan sát hình ảnh và thông tin SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Khí hậu

- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, song do ảnh hưởng kết hợp của địa hình với gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh khiến cho khí hậu mang sắc thái cận nhiệt đới với nhiệt độ trung bình năm từ 21 – 22⁰C, có mùa đông đến sớm và lạnh.

- Lượng mưa trung bình năm của Lạng Sơn phổ biến là 1 300 – 1 600 mm. Độ ẩm trung bình trên 82%.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS quan sát và trả lời các câu hỏi sau theo hình thức cá nhân:

(?) Dựa vào thông tin và hình ảnh mục 2, em hãy:

+ Nêu đặc điểm nổi bật về khí hậu của tỉnh Lạng Sơn.

+ Khí hậu Lạng Sơn có thuận lợi và khó khăn gì đối với sản xuất và sinh hoạt của người dân?

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS quan sát hình ảnh, nghiên cứu nội dung SGK hoàn thành câu hỏi trong 10 phút.

+ GV quan sát và trợ giúp HS.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả và bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3 Tìm hiểu sông ngòi, đất, sinh vật, khoáng sản tỉnh Lạng Sơn

a) Mục đích:

- HS trình bày được đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, sinh vật, khoáng sản tỉnh Lạng Sơn.

- HS nêu được ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, sinh vật, khoáng sản đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Lạng Sơn.

b) Nội dung: HS khai thác thông tin trong SGK và hiểu biết bản thân để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

3. Sông, hồ

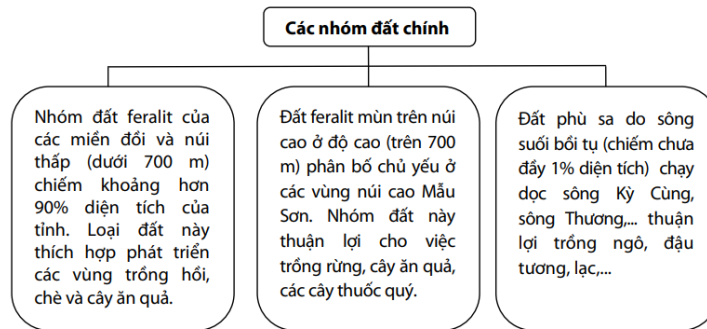
- Sông ngòi tỉnh Lạng Sơn có mật độ khá dày từ 0,6 – 1,2 km/km², cao hơn trung bình của cả nước (0,6 km/km²). Tổng lượng nước của các sông đạt 5,9 tỉ m³ /năm. Chế độ dòng chảy của các sông chia thành 2 mùa chính: mùa lũ và mùa cạn, tương ứng với mùa mưa và mùa khô của khí hậu. Sông chính là sông Kỳ Cùng (thuộc hệ thống sông Kỳ Cùng – Bằng Giang).

-> giá trị khai thác chủ yếu là xây dựng các trạm thủy điện và các trạm bơm cung cấp nước tưới cho nông nghiệp, tạo cảnh quan tự nhiên, là tiềm năng lớn để phát triển du lịch, đặc biệt là loại hình du lịch sinh thái.

- Trên địa bàn Lạng Sơn có 271 hồ nước được phân bố khắp các huyện, thành phố đã được phân cấp quản lí -> dự trữ cho sản xuất nông nghiệp và phục vụ đời sống nhân dân.

4. Đất

- Đất ở Lạng Sơn tương đối phong phú gồm ba nhóm chính bao gồm: đất feralit ở đồi núi thấp, đất feralit mùn trên núi cao, đất phù sa.



- Sự đa dạng của tài nguyên đất cho phép Lạng Sơn phát triển cơ cấu nông nghiệp đa dạng với nhiều loại nông sản có giá trị kinh tế cao.

- Quỹ đất dành cho hoạt động sản xuất nông nghiệp chiếm chủ yếu. Ngoài ra, khả năng mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp của tỉnh Lạng Sơn còn khá lớn.

5. Sinh vật

- Giới sinh vật của Lạng Sơn phong phú và đa dạng. Lạng Sơn có 533,0 nghìn ha rừng, trong đó rừng tự nhiên là 293,5 nghìn ha, phân bố ở tất cả các huyện, thành phố, độ che phủ rừng đạt 62,4% (năm 2019).

- Ở Lạng Sơn có bốn kiểu rừng chính: rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới, rừng kín nửa rụng lá ẩm nhiệt đới, rừng kín rụng lá hơi ẩm nhiệt đới, rừng kín thường xanh mưa ẩm cận nhiệt đới núi thấp.

6. Khoáng sản

- Lạng Sơn có nhiều khoáng sản nhưng chủ yếu là các mỏ trung bình và nhỏ, nằm phân tán.

- Một số khoáng sản có ý nghĩa kinh tế lớn đang được khai thác và đưa vào sử dụng, đó là than nâu, than bùn, sét, đá vôi, bô-xít, phot-pho-rít,...

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV giao nhiệm vụ trong giờ học trước: chia lớp thành 8 nhóm; yêu cầu các nhóm khai thác thông tin trong SGK thảo luận theo nhóm và hoàn thiện báo cáo để chuẩn bị giờ học sau trình bày.

+ Hình thức trình bày báo cáo: có thể làm power point; sơ đồ tư duy, video, đóng kịch...

+ Nội dung cần báo cáo:

Nhóm	Nội dung tìm hiểu
1, 2	Đặc điểm sông, hồ; ảnh hưởng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Lạng Sơn.
3, 4	Đặc điểm đất; ảnh hưởng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Lạng Sơn.
5, 6	Đặc điểm sinh vật; ảnh hưởng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Lạng Sơn.
7, 8	Đặc điểm khoáng sản; ảnh hưởng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Lạng Sơn.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS làm việc theo nhóm, nghiên cứu SGK, tra cứu thông tin trên mạng Internet, hoàn thiện báo cáo trong thời gian 1 tuần theo yêu cầu.

+ GV kịp thời nhận các thông tin các nhóm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và trợ giúp các nhóm.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các nhóm trình bày báo cáo đã được chuẩn bị.

+ Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá kết quả làm việc của nhóm theo tiêu chí GV đưa ra.

Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí	Điểm	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6	Nhóm 7	Nhóm 8
Chuẩn xác về nội dung kiến thức, kỹ năng	50								
Thẩm mĩ	10								
Khoa học, sáng tạo	10								
Liên hệ	10								
Thuyết trình	20								
TỔNG ĐIỂM	100								

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3 – LUYỆN TẬP

a) **Mục đích:** Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:**

Bài tập 1: Chọn phương án trả lời đúng nhất

a/ Dạng địa hình phổ biến ở tỉnh Lạng Sơn là

- A. núi cao. B. núi trung bình. C. đồi núi thấp. D. đồng bằng.

b/ Thời tiết Lạng Sơn vào nửa sau mùa đông có đặc điểm là

- A. lạnh khô. B. lạnh ẩm. C. không mưa. D. mưa rào.

c/ Chế độ dòng chảy của các sông ở tỉnh Lạng Sơn có sự phân mùa chủ yếu do tác động của

- A. khí hậu. B. sinh vật. C. địa hình. D. đất.

d/ Loại khoáng sản được sử dụng làm nhiên liệu chủ yếu cho nhà máy nhiệt điện Na Dương là

- A. than bùn. B. dầu mỏ. C. khí tự nhiên. D. than nâu.

e/ Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tỉnh Lạng Sơn?

- A. Địa hình mang tính chất cận nhiệt đới gió mùa.
 B. Mạng lưới sông ngòi thưa thớt và nghèo phù sa.
 C. Đất feralit có mùn chiếm tỉ lệ diện tích lớn nhất.
 D. Nguồn tài nguyên sinh vật phong phú và đa dạng.

Bài tập 2: Em hãy đóng vai là hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về một số đặc điểm tự nhiên nổi bật của Lạng Sơn cho du khách đến tham quan.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS lựa chọn phương án trả lời đúng nhất.

+ GV trình chiếu câu 2 SGK trang 44.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ và tìm đáp án trong thời gian 5 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS vận dụng, liên hệ kiến thức đã học tìm hiểu thực trạng về vấn đề khai thác và sử dụng tài nguyên ở nơi sinh sống. Nêu giải pháp để khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên đó.

b) Nội dung: HS biết vận dụng kiến thức đã học và thu thập được thông tin trên mạng Internet để hoàn thành nội dung theo yêu cầu của GV đã gợi ý.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành sản phẩm báo cáo với các nội dung gợi ý sau:

- Tiềm năng
- Thực trạng vấn đề khai thác và sử dụng
- Giải pháp

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu nội dung gợi ý.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc theo nhóm, thảo luận và hoàn thiện báo cáo theo gợi ý của GV.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi đại diện HS trình bày, nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

3.4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

3.5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài và trả lời câu 1, 2 phần luyện tập.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng theo yêu cầu.

GỢI Ý KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CÁC CHỦ ĐỀ**1. Hình thức:**

Kiểm tra thường xuyên

- Vấn đáp: Đánh giá HS tích cực, trả lời tốt các câu hỏi.
- Sản phẩm: Viết báo cáo.

2. Nội dung: Viết báo cáo ngắn giới thiệu về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của tỉnh Lạng Sơn.

3. Tiêu chí (Đạt/Chưa đạt):

Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
Em có nêu được tên các thành phần tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của tỉnh Lạng Sơn không?		
Em có trình bày được đặc điểm địa hình, khí hậu, đất, sông hồ, sinh vật, khoáng sản của tỉnh Lạng Sơn không?		
Em có trình bày được ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, đất, sông hồ, sinh vật, khoáng sản đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn không?		
Em có nêu được một số giải pháp để khai thác, sử dụng hợp lí và hiệu quả các nguồn tài nguyên của tỉnh Lạng Sơn không?		
Em có đọc được trên bản đồ Tự nhiên Lạng Sơn một số đỉnh núi, sông, sự phân bố một số loại rừng, khoáng sản không?		
Báo cáo của em có hình ảnh liên quan đến điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của tỉnh Lạng Sơn không?		

CHỦ ĐỀ 6. MỘT SỐ NGHỀ PHỔ BIẾN Ở LẠNG SON

Báo cáo viên: Hoàng Thị Ngọc Loan
Trường THPT Bình Gia

Đề dạy học chủ đề này giáo viên cần nghiên cứu và nắm được những định hướng đổi mới về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và áp dụng một cách linh hoạt, sáng tạo vào hoạt động dạy học. Dưới đây là những gợi ý để tổ chức dạy học các phần trong chủ đề “*Một số nghề phổ biến ở Lạng Sơn*”.

I. Xác định mục tiêu

1. Về kiến thức:

- + Kể tên và giới thiệu sơ lược được một số nghề phổ biến ở Lạng Sơn.
- + Nhận biết được các sản phẩm chủ yếu và những đóng góp của các nghề phổ biến đối với sự phát triển kinh tế, xã hội ở Lạng Sơn.
- + Nêu được nhu cầu lao động, những thuận lợi và khó khăn, triển vọng phát triển của một số nghề phổ biến ở Lạng Sơn.

2. Về năng lực:

- + Thực hiện được một số công đoạn đơn giản của một số nghề phổ biến.
- + Trình bày được cảm nhận của bản thân sau khi tham gia hoạt động trải nghiệm một nghề phổ biến ở địa phương.

3. Về phẩm chất:

Có ý thức giữ gìn và phát triển một số nghề phổ biến ở Lạng Sơn.

II. Tiến trình dạy học

2.1. Khởi động

Phần này nhằm gợi mở những vấn đề liên quan đến nội dung chủ đề bài học; giúp tạo ra sự kết nối giữa người học và vấn đề học tập, tạo hứng thú, nảy sinh nhu cầu được trải nghiệm của học sinh đối với bài mới. Để thực hiện hoạt động khởi động, phần này đưa ra nhiều hình thức khác nhau như: trò chơi; câu hỏi động não; xem tranh ảnh, video,...

Ví dụ: Để hướng học sinh vào chủ đề một số nghề phổ biến ở Lạng Sơn giáo viên có thể cho học sinh xem 1 đoạn video sau đó hỏi các em xem đoạn video đó nói về những nghề nào rồi dẫn dắt học sinh vào bài.

Lưu ý: Hoạt động Khởi động/Mở đầu trong Tài liệu chỉ là gợi ý, giáo viên có thể lấy những tình huống khác phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương; tạo ra các tình huống hấp dẫn, kích thích học sinh học tập tích cực.

2.2. Khám phá

Phần này giúp học sinh phát hiện, hình thành kiến thức mới, kỹ năng mới, thông qua đó cung cấp tri thức căn bản về một số nghề phổ biến ở Lạng Sơn.

Gồm có 3 nghề: Chăn nuôi gia súc, trồng rừng và trồng rau đặc sản.

2.2.1. Chăn nuôi gia súc

Giáo viên cho học sinh đọc văn bản kết hợp quan sát hình ảnh về các loại gia súc được nuôi phổ biến ở địa phương.

Giáo viên đặt câu hỏi: Kể tên các loài vật nuôi chủ yếu của địa phương? Nêu những thuận lợi và khó khăn trong phát triển chăn nuôi ở địa phương?

Tổ chức lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận về các sản phẩm của nghề chăn nuôi gia súc, các công đoạn trong chăn nuôi, nhu cầu về lao động và tác động của nghề đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương... Các nhóm cùng trao đổi thảo luận và giáo viên chốt kiến thức.

2.2.2. Nghề trồng rừng và trồng rau đặc sản

Vì nội dung các nghề tương tự giống nhau nên giáo viên có thể giao cho học sinh về nhà chuẩn bị bài trước, theo nội dung đã được định hướng:

Nghề	Trồng rừng	Trồng rau đặc sản
Điều kiện phát triển		
Các sản phẩm chủ yếu		
Tác động của nghề với phát triển kinh tế - xã hội		

Sau khi học sinh đã chuẩn bị kỹ nội dung bài ở nhà, trên lớp giáo viên sẽ yêu cầu một số học sinh trình bày phần chuẩn bị của mình để các bạn trong lớp cùng góp ý, đồng thời cho các em được liên hệ thực tế xem ở địa phương nơi em sinh sống có những nghề phổ biến nào? Những nghề đó có mang lại hiệu quả thiết thực không?

Với những bài làm tốt giáo viên tuyên dương và đánh giá lấy điểm kiểm tra thường xuyên.

2.3. Luyện tập

Phần này gồm các bài tập nhằm củng cố, rèn luyện kỹ năng theo nội dung, yêu cầu cần đạt của chủ đề.

- Bài 1. Giáo viên trình chiếu các câu hỏi trắc nghiệm để hs trả lời, sau đó có thể hỏi các em lí do vì sao lựa chọn phương án đó, học sinh lí giải được lí do lựa chọn chứng tỏ học sinh hiểu bài.

- Bài 2. Học sinh có thể dựa vào kiến thức đã học trong bài để trả lời cho câu hỏi “Những biểu hiện nào chứng tỏ nghề trồng rừng phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh”

Giáo viên cũng có thể linh hoạt xây dựng thêm một số câu hỏi trắc nghiệm hoặc tự luận phù hợp với nội dung của bài.

- Hoạt động trải nghiệm

Phần này được thiết kế cho học sinh học tập ngoài nhà trường. Để hiểu rõ hơn về các nghề phổ biến, có thể mô tả được một số công đoạn đơn giản của một số nghề phổ biến giáo viên tổ chức cho học sinh tham gia học tập trải nghiệm.

Để tổ chức được hoạt động này, giáo viên cần phối hợp với nhà trường xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các phương án để đưa học sinh đến nơi trải nghiệm.

Sau khi tham quan, tìm hiểu, và thực hành một số công đoạn của nghề phổ biến tại địa phương, giáo viên cho học sinh viết bài thu hoạch theo yêu cầu: Tại sao nghề đó (nghề mà học sinh vừa tham gia trải nghiệm) trở thành nghề phổ biến ở địa phương em? Em sẽ làm gì để góp phần vào việc phát triển nghề ở địa phương? .

Ở những đơn vị trường học khó khăn không thể tổ chức cho học sinh tham quan trải nghiệm thực tế, giáo viên cần tìm biện pháp tham quan gián tiếp như cho học sinh xem video, tìm tài liệu trên mạng internet, sách báo... để hoàn thành bài tập theo các gợi ý trong sách giáo khoa.

2.4. Vận dụng

Phần này là bài tập giúp học sinh vận dụng những tri thức, kỹ năng đã được hình thành, rèn luyện để vẽ một bức tranh hoặc viết một bài giới thiệu, tuyên truyền, quảng bá cho nghề phổ biến tại địa phương đang sinh sống (hoặc nghề phổ biến ở Lạng Sơn

mà học sinh biết).

Lưu ý: Ngoài những định hướng, gợi ý trên, giáo viên có thể linh hoạt vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học để thực hiện việc dạy học chủ đề một cách hiệu quả nhất. phối hợp với các bộ môn và hoạt động giáo dục khác như công nghệ, sinh học... để tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh.

3. Gợi ý về kiểm tra đánh giá các chủ đề:

- Vấn đáp thông qua các câu hỏi trong bài học giáo viên có thể đánh giá đạt ngay tại giờ học, đặc biệt là những câu hỏi ở mức độ khó, câu hỏi liên hệ thực tế.
- Thuyết trình: trình bày bài viết sau hoạt động trải nghiệm.
- Sản phẩm học tập: Vẽ tranh quảng bá về một hoặc một số nghề phổ biến ở địa phương. Với các tiêu chí đánh giá:

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	
		Đạt	Chưa đạt
1	Đúng chủ đề		
2	Làm nổi bật được sản phẩm của nghề phổ biến ở địa phương		
3	Tính sáng tạo, thẩm mỹ		

CHỦ ĐỀ 7. KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA QUÊ HƯƠNG LẠNG SƠN

Báo cáo viên: Nguyễn Thị Phương Hào
Trường THPT Văn Lãng

I. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Kể được một số truyền thống tốt đẹp của quê hương Lạng Sơn (yêu quê hương, đất nước, sống nhân ái, nghĩa tình, trung thực,...).
- Nêu được những biểu hiện cụ thể của tình yêu quê hương, đất nước, sống nhân ái, nghĩa tình, trung thực,... của người dân Lạng Sơn.
- Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

2. Định hướng phát triển năng lực:

- *Năng lực chung:*

Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- *Năng lực đặc thù:*

Có ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương; Thực hiện được những việc làm phù hợp để phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương; Có ý thức phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương Lạng Sơn.

3. Phẩm chất:

- Hình thành các phẩm chất: yêu quê hương, đất nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực,....

II. CHUẨN BỊ

1. Thiết bị, vật liệu

- Máy vi tính, máy chiếu, ti vi/ loa
- Phiếu học tập.
- Tranh ảnh minh họa.
- Bảng phụ.

2. Học liệu

Sách *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Lạng Sơn, lớp 7*

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

1. Mục đích

- Khơi gợi học sinh về những phẩm chất tốt đẹp của người dân Lạng Sơn.
- Tạo hứng thú, nảy sinh nhu cầu được trải nghiệm của học sinh đối với bài mới.

2. Cách thức tiến hành

Nghe bài hát “Lạng Sơn quê hương tôi” của nhạc sĩ Phạm Tĩnh và trả lời câu hỏi: *Bài hát đề cập đến những truyền thống tốt đẹp nào của quê hương Lạng Sơn?*

Lưu ý: Phần khởi động có thể được tiến hành bằng những cách thức khác như có thể lựa chọn bài hát khác về quê hương Lạng Sơn hoặc bằng những hình ảnh về các hoạt động, việc làm thể hiện những phẩm chất truyền thống của người dân Lạng Sơn Tùy vào điều kiện thực tế ở từng địa phương, từng vùng, từng trường mà giáo viên lựa chọn hình thức khởi động bài học phù hợp, thu hút, hấp dẫn học sinh, tạo tâm thế hứng khởi để các em tiếp cận bài học mới.

3. Kết quả cần đạt

Học sinh kể tên được một số truyền thống tốt đẹp của quê hương Lạng Sơn và có âm thế để tiếp nhận bài mới.

HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ/HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Nội dung chủ đề có 2 phần: Một số truyền thống tốt đẹp của quê hương Lạng Sơn và Trách nhiệm của học sinh trong việc phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

1. Mục đích:

- Học sinh nêu được những biểu hiện cụ thể của tình yêu quê hương, đất nước, sống nhân ái, nghĩa tình, trung thực,... của người dân Lạng Sơn.
- Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.
- Thực hiện được những việc làm phù hợp để phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.
- Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương Lạng Sơn.

2. Cách thức tiến hành:

Nội dung 1. Một số truyền thống tốt đẹp của quê hương Lạng Sơn:

- Cách 1 Giáo viên có thể tiến hành tổ chức cho học sinh lần lượt tìm hiểu các phẩm chất truyền thống tốt đẹp của Lạng Sơn trên cơ sở đọc kết hợp với vận dụng những kiến thức thực tế trả lời hệ thống câu hỏi gợi ý tìm hiểu bài sau mỗi nội dung
- Giáo viên có thể tiến hành theo cách chia lớp thành 3 nhóm trao đổi, thảo luận, tìm hiểu về 3 truyền thống tốt đẹp của người Lạng Sơn.

Nhóm 1 tìm hiểu truyền thống yêu nước

Nhóm 2 tìm hiểu truyền thống nhân ái, nghĩa tình

Nhóm 3 tìm hiểu truyền thống trung thực

Các nhóm thảo luận, tìm hiểu nội dung bài dựa trên hệ thống câu hỏi và sự huy động kiến thức từ thực tế.

Nội dung 2. Trách nhiệm của học sinh trong việc phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương:

Ở nội dung này, giáo viên có thể chia lớp thành 6 nhóm nhỏ, hai nhóm xử lý một tình huống giả định, yêu cầu các em lí giải tại sao lại xử lý như vậy. Giáo viên là người nhận xét về cách xử lý tình huống của các nhóm. Sau khi tổ chức cho học sinh xử lý tình huống giáo viên yêu cầu học sinh nêu trách nhiệm của bản thân trong việc phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

GV cũng có thể tổ chức nội dung này bằng hình thức trò chơi xử lý tình huống. Giáo viên chia học sinh làm 2 đội thi, cử học sinh làm ban giám khảo nhận xét các đội thi. Giáo viên giữ vai trò là chuyên gia cố vấn chốt lại các vấn đề

* Lưu ý:

- Để tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả, giáo viên cần giao nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, có tính định hướng.
- Thời gian thảo luận, làm việc nhóm phải phù hợp, ít hơn tổng thời lượng trình bày của học sinh và nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức của giáo viên.
- Giáo viên cần đa dạng hóa các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học.
- Giáo viên có thể lấy thêm minh chứng thực tế tại địa phương để làm rõ những truyền thống tốt đẹp của người dân Lạng Sơn.

3. Kết quả cần đạt được

- Học sinh nêu được những biểu hiện cụ thể truyền thống yêu quê hương, đất nước của người dân Lạng Sơn như lập nên những chiến thắng hiển hách giữ vững vùng đất biên cương, bảo vệ chủ quyền quốc gia, dân tộc trong thời kì Bắc thuộc. Phán kháng, chiến đấu mạnh mẽ, quyết liệt với nhiều cuộc khởi nghĩa trong cuộc chiến

chống thực dân Pháp xâm lược. Trong thời chống Mĩ, Lạng Sơn cung cấp nhân lực cho cuộc chiến, vừa là hậu phương vững chắc vừa là chiến trường đánh trả sự bắn phá của không quân Mĩ, là nơi tiếp nhận sự chi viện của bạn bè quốc tế cho Việt Nam. Lạng Sơn có những tấm gương yêu nước nổi bật trong lịch sử như Hoàng Văn Thụ, Lương Văn Tri, Dương Công Sửu...;

Học sinh hiểu được trong thời hòa bình yêu nước là nâng cao tinh thần cảnh giác với những hành vi tuyên truyền, chống phá cách mạng của lực lượng phản động và cần cù sáng tạo trong học tập, lao động sản xuất xây dựng quê hương ngày một phát triển, từ đó có trách nhiệm trong việc phát huy truyền thống yêu nước của quê hương.

- Học sinh nêu được những biểu hiện của truyền thống sống nhân ái, nghĩa tình như đoàn kết, gắn bó, yêu thương, biết yêu quý, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình; đùm bọc, giúp đỡ hàng xóm láng giềng; chia sẻ khó khăn với những người dân nghèo, bị khuyết tật, bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, người già và trẻ em không nơi nương tựa; tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, phản đối cái ác, cái xấu, chủ động ngăn chặn các hành vi bạo lực; Truyền thống sống nhân ái, nghĩa tình còn biểu hiện qua các phong trào nhân đạo được duy trì bền bỉ...

Học sinh nhận thức được, mặc cuộc sống ngày càng được nâng cao những vẫn còn rất nhiều người cần được giúp đỡ; Lòng nhân ái, giúp con người có thêm niềm tin và sức mạnh để vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống, hướng tới những điều tốt đẹp. Từ đó thấy được bản thân có trách nhiệm tham gia công tác xã hội, những hoạt động thiện nguyện phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

- Học sinh nêu được biểu hiện trung thực thật thà của người Lạng Sơn như không tham lam, không nói dối, không xâm phạm vào đồ vật và tiền bạc của người khác (Ví dụ: đi chợ không nói thách giá, ở các bản làng, đồ đạc để ở nhà, cửa mở mà không bị mất cắp, hoa màu trên nương không bị ăn trộm,...), truyền thống tốt đẹp này được hình thành từ xa xưa trong văn hóa, thể hiện qua các khế ước, hương ước của người dân Lạng Sơn.

Học sinh hiểu được tác hại của thiếu trung thực trong cuộc sống và trong học tập. Từ đó rèn luyện cho mình phẩm chất đáng quý này.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Nội dung này có 3 bài tập được thiết kế ở cấp độ tư duy nhận biết và thông hiểu.

1. Mục đích:

- Học sinh nhận biết được những việc làm cụ thể phát huy truyền thống tốt đẹp của người dân Lạng Sơn.

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học giải quyết các bài tập, bày tỏ quan điểm và thái độ cá nhân đối với các vấn đề đặt ra liên quan đến bài học.

- Giúp giáo viên nhận biết những tiến bộ, hạn chế của học sinh từ đó có những hướng dẫn kịp thời cho học sinh trong quá trình dạy học giúp các em đạt được yêu cầu của chương trình giáo dục địa phương.

2. Cách thức tiến hành

- Bài tập 1: Giáo viên phát phiếu học tập, yêu cầu học sinh liệt kê những việc làm cụ thể vào bảng theo gợi ý.

Có thể tổ chức thực hiện bài tập này theo hình thức thi giữa các cá nhân hoặc các nhóm.

- Bài tập 2: Giáo viên tổ chức cho học sinh chia sẻ quan điểm cá nhân về những ý kiến xem ý kiến đó đúng hay sai và phải giải thích vì sao đúng hoặc vì sao sai.

Giáo viên có thể tổ chức bài tập này dưới hình thức hùng biện/tranh biện.

- Bài tập 3: Giáo viên tổ chức cho học sinh nhận xét về các hành vi, bày tỏ quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình và phải giải thích vì sao đồng tình, vì sao không đồng tình.

Giáo viên có thể tổ chức bài tập này dưới hình thức hùng biện/tranh biện.

3. Kết quả cần đạt được

- Học sinh liệt kê được những việc làm cụ thể thể hiện lòng yêu nước, sống nhân ái, nghĩa tình và trung thực, thật thà.

- Học sinh bày tỏ được quan điểm của mình về các ý kiến và hành vi, đồng thời lí giải được cơ sở đồng tình hoặc không đồng tình từ đó nhận thức sâu sắc hơn về vấn đề đã học.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

1. Mục đích

- Các nhiệm vụ/bài tập giúp học sinh vận dụng những tri thức, kĩ năng vào cuộc sống, tiếp tục hình thành phẩm chất yêu nước, nhân ái, trung thực, ngay thẳng.

2. Cách thức tiến hành

Đối với bài tập này, giáo viên cũng cần định hướng cho học sinh như sau:

- Sưu tầm một câu chuyện về tấm gương yêu nước của quê hương Lạng Sơn.

- Tham gia một hoạt động nhân đạo tại địa phương (giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn: người già neo đơn, người bị khuyết tật,... quyên góp ủng hộ các bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào bị lũ lụt...)

- Viết hoặc kể (ghi âm) về một hành động, việc làm, một tấm gương thể hiện sự trung thực trong cuộc sống hoặc trong học tập. Rút ra bài học cho bản thân.

Học sinh có thể thực hiện nhiệm vụ độc lập hoặc có thể thực hiện theo nhóm nhỏ hoặc cặp đôi

3. Kết quả cần đạt được

Học sinh thực hiện được các nhiệm vụ theo yêu cầu.

IV. GỢI Ý KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

- Đánh giá thường xuyên: thực hiện liên tục trong quá trình dạy chủ đề, thông qua việc học sinh trả lời các câu hỏi phát vấn của giáo viên, các ý kiến thảo luận của học sinh, qua kết quả bài tập, thuyết trình, sản phẩm học tập, kết quả thi giữa các cá nhân (nếu hoạt động tổ chức bằng hình thức thi) do học sinh thực hiện.

Hình thức đánh giá nên đa dạng: có thể là giáo viên đánh giá học sinh hoặc học sinh tự đánh giá nhau.

Lưu ý: đánh giá thường xuyên thực hiện trong suốt quá trình dạy học chủ đề, từ khâu khởi động, khám phá kiến thức đến luyện tập, vận dụng. Giáo viên cần quan sát, nắm bắt về nhận thức, thái độ của học sinh trong suốt quá trình học, tránh đánh giá phiếm diện, một chiều.

- Đánh giá định kỳ: thực hiện giữa kỳ, cuối học kỳ. Giáo viên có thể lựa chọn nội dung khám phá bài học để xây dựng đề kiểm tra cho học sinh.

CHỦ ĐỀ 8: ĐA DẠNG HỆ SINH THÁI TỈNH LẠNG SƠN

*Báo cáo viên: Vũ Văn Hiệp
Trường THPT Lương Văn Tri*

Trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, nội dung giáo dục địa phương ở cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông có vị trí tương đương các môn học khác.

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Lạng Sơn, lớp 7 được biên soạn bao gồm khung chương trình và tài liệu dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục; được thiết kế gồm **8 chủ đề** thuộc **3 cum lĩnh vực** với **tổng thời lượng là 35 tiết/năm học**. Trong lĩnh vực chính trị- xã hội và môi trường, chủ đề 8: Đa dạng hệ sinh thái tỉnh Lạng Sơn trong chương trình lớp 7, thời lượng 3 tiết học.

I. Mục tiêu của chủ đề

1. Kiến thức

- Nêu được các thành phần và sự đa dạng hệ sinh thái ở tỉnh Lạng Sơn.
- Trình bày được vai trò của đa dạng hệ sinh thái trong bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế của địa phương.
- Nêu được các giải pháp bảo tồn đa dạng hệ sinh thái ở tỉnh Lạng Sơn.
- Nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải bảo vệ sự đa dạng sinh học ở địa phương.
- Tìm hiểu các hệ sinh thái ở địa phương, đề xuất các giải pháp để bảo vệ và nâng cao giá trị của hệ sinh thái ở tỉnh Lạng Sơn.

2. Năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: Thông qua hoạt động tự đọc sách, trả lời các câu hỏi trong mỗi mục, phần của chủ đề.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thông qua hoạt động nhóm để khám phá kiến thức.
- Năng lực tìm hiểu thế giới sống: Thông qua hoạt động tìm hiểu các dạng hệ sinh thái ở tỉnh Lạng Sơn và ở địa phương.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua hoạt động tìm hiểu nguyên nhân gây suy giảm đa dạng hệ sinh thái ở tỉnh Lạng Sơn từ đó đề xuất, chia sẻ các biện pháp bảo vệ.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn bảo vệ đa dạng hệ sinh thái ở địa phương.
- Trung thực: Có ý thức báo cáo chính xác, khách quan về kết quả của cá nhân hoặc nhóm trong tìm hiểu đa dạng hệ sinh thái, thành phần loài, các biện pháp bảo vệ đa dạng hệ sinh thái ở địa phương.
 - Trách nhiệm: Tích cực nghiên cứu tài liệu, thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

II. Tiến trình dạy học

1. Khởi động

- Mục tiêu:

- Tạo ra tâm thế học tập cho học sinh, khơi dậy mong muốn tìm hiểu kiến thức.
- Bước đầu xác định, giới thiệu được hệ sinh thái ở tỉnh Lạng Sơn.

- **Nội dung:** Xuất phát từ tình huống => Đặt câu hỏi gợi mở

Bạn An từ Hà Nội đến Lạng Sơn du lịch và được bạn Bình giới thiệu: “Lạng Sơn là tỉnh miền núi, đặc trưng bởi các dãy núi, đồi ngất ngàn, đan xen và có độ cao khác nhau. Xen giữa các dãy núi, đồi là thung lũng và hệ thống sông, suối đã hình thành nên các khu vực tiểu khí hậu với sự đa dạng về hệ sinh thái”. Bạn An thắc mắc không hiểu rõ đa dạng hệ sinh thái ở tỉnh Lạng Sơn được biểu hiện như thế nào. Nếu là bạn Bình thì em sẽ giải thích cho bạn An như thế nào?



Hình 1. Thung lũng Yên Thịnh mùa lúa chín

* **Lưu ý:** Hoạt động trong tài liệu chỉ mang tính chất gợi ý cho giáo viên. Giáo viên có thể lấy những tình huống khác phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, tạo ra các tình huống hấp dẫn, kích thích học sinh học tập tích cực.

- *Ví dụ 1:* Chia nhóm học sinh, yêu cầu mỗi nhóm viết 1 đoạn văn ngắn 5 dòng giới thiệu về các sinh vật và khung cảnh nơi em sống trong thời gian 3 phút. Từ đó dẫn dắt vào nội dung chủ đề...

- *Ví dụ 2:* Giáo viên chiếu một số hệ sinh thái điển hình ở Việt Nam => Vậy ở Lạng Sơn có những dạng hệ sinh thái nào?...

2. Khám phá

Kiến thức mới của chủ đề 8 gồm các nội dung chính:

- I. Các thành phần của hệ sinh thái ở tỉnh Lạng Sơn
- II. Sự đa dạng hệ sinh thái ở tỉnh Lạng Sơn.
- III. Vai trò và các giải pháp bảo vệ đa dạng hệ sinh thái.

Mục I: là kiến thức khái quát về hệ sinh thái, Hệ sinh thái bao gồm nhiều quần thể sinh vật khác loài (thành phần hữu sinh) và môi trường sống của chúng (thành phần vô sinh).

Mục II: bố cục theo các nội dung: khái quát về địa hình, hệ sinh thái tự nhiên (Hệ sinh thái rừng nhiệt đới trên núi đá vôi, Hệ sinh thái nước ngọt), Hệ sinh thái nhân tạo (Hệ sinh thái nông nghiệp, Hệ sinh thái rừng trồng, Hệ sinh thái khu dân cư). Trong đó hệ sinh thái rừng nhiệt đới trên núi đá vôi là điển hình, chiếm diện tích lớn nhất.

Cách xây dựng: quan sát hình ảnh về một số hệ sinh thái ở tỉnh Lạng Sơn=> xác định các dạng hệ sinh thái tương ứng.

Mục III: Bố cục và cách xây dựng

1. Vai trò của hệ sinh thái:

Học sinh quan sát hình ảnh, nghiên cứu thông tin sách giáo khoa, trả lời câu hỏi định hướng => Vai trò của hệ sinh thái rừng và hệ sinh thái nông nghiệp đối với con người và môi trường.

2. Các giải pháp bảo vệ hệ sinh thái ở tỉnh Lạng Sơn

Học sinh quan sát hình ảnh “ không chú thích” để xác định các nguyên nhân gây suy giảm đa dạng hệ sinh thái và hậu quả tương ứng. Từ đó đề xuất, chia sẻ các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở địa phương.

3. Luyện tập

Phần này gồm 4 bài tập nhằm củng cố, rèn luyện kỹ năng theo nội dung, yêu cầu cần đạt của chủ đề. Trong đó bài tập 1, hoàn thành sơ đồ hệ thống hóa kiến thức, Bài tập 2, 4 luyện tập, củng cố kiến thức chủ đề. Bài tập 2 yêu cầu học sinh quan sát kim chỉ mức cảnh báo rừng, xác định cấp độ nguy hiểm nhất, chia sẻ hành động bản thân trong bảo vệ hệ sinh thái rừng.

4. Vận dụng

Phần này gồm các bài tập giúp học sinh vận dụng những tri thức, kỹ năng đã được hình thành, rèn luyện vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống về các vấn đề cụ thể của bản thân hoặc địa phương. Bài tập vận dụng gồm điều tra các hệ sinh thái ở địa phương, các loài sinh vật, biện pháp bảo vệ. Từ đó, chia sẻ hoạt động cá nhân trong bảo vệ đa dạng hệ sinh thái ở địa phương.

III. Gợi ý về kiểm tra, đánh giá chủ đề

1. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Kết hợp giữa 3 hình thức:

- HS tự đánh giá: HS tự đánh giá kết quả học tập của học sinh ở mức nào? (đạt/chưa đạt)

- HS trong nhóm đánh giá (đánh giá đồng đẳng): HS trong nhóm/tổ căn cứ vào kết quả tự đánh giá, tinh thần, ý thức hợp tác, trách nhiệm khi tham gia hoạt động nhóm để đánh giá bạn, đánh giá kết quả hoạt động của nhóm theo các mức đạt/chưa đạt.

- GV đánh giá: GV tổng hợp tự đánh giá và đánh giá trong nhóm của HS, ý thức xây dựng bài trong tiến trình dạy kiến thức mới, kết hợp với kết quả hoạt động nhóm để đánh giá kết quả học tập của HS và ghi vào kết quả học tập.

2. Nội dung đánh giá

- Đánh giá hoạt động nhóm trong trả lời các câu hỏi định hướng trong chủ đề.

- Đánh giá thông qua báo cáo phần vận dụng Tìm hiểu đa dạng hệ sinh thái ở địa phương

3. Tiêu chí đánh giá

Căn cứ vào mục tiêu chủ đề, các tiêu chí đánh giá như sau:

- Nêu được các thành phần của hệ sinh thái, lấy được ví dụ minh họa.

- Trình bày được vai trò của đa dạng hệ sinh thái trong bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế của địa phương.

- Nêu được đúng các giải pháp bảo tồn đa dạng hệ sinh thái ở tỉnh Lạng Sơn.

- Tìm hiểu được các hệ sinh thái ở địa phương, đề xuất được các giải pháp để bảo vệ và nâng cao giá trị của hệ sinh thái ở tỉnh Lạng Sơn.

- Viết được đoạn văn đảm bảo yêu cầu chia sẻ các giải pháp hữu ích của bản thân trong bảo vệ đa dạng hệ sinh thái ở địa phương.